

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HS-ST

Ngày : 21 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2023/TLST- HS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2023/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 1979 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T (đã chết) và bà Bạch Thị D (đã chết); vợ là Hồ Thị Út H, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1986; nơi cư trú tổ 01, khu vực 02, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Út H, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người làm chứng: Bà Phan Thị P, sinh năm 1978; nơi cư trú thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/9/2023, bị cáo Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 77X7-2141 đến quán cà phê T ở thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để uống cà phê. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ phát hiện túi xách của chị Nguyễn Thị Kim H1 đang để tại băng ghế gỗ trong quán cà phê; quan sát thấy không có ai nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm tài sản bên trong túi xách. Lúc này, Đ lén lút mở túi xách của chị H1 lấy trộm số tiền 4.070.000 đồng, rồi đi ra trước quán cà phê điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Sau đó, chị H1 phát hiện bị mất trộm tiền để trong túi xách nên làm đơn báo cáo Công an xã P.

Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại số tiền 3.625.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Kim H1, Lê Văn Đ đã bồi thường cho chị H1 số tiền 445.000 đồng, chị H1 đã có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường nữa.

Tại bản Cáo trạng số 120/CT-VKS-TP ngày 18 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) xe mô tô biển số 77X7-2141, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, số khung 08Y-015852, số máy 5B96-015852.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định đề nghị không áp dụng.

Bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, để bị cáo có cơ hội lao động nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian và tài sản bị mất trộm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhân chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi biết rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng khi thấy người bị hại để tài sản sơ hở bị cáo đã nảy sinh lòng tham: Cụ thể vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/9/2023 tại quán cà phê T ở thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định bị cáo Lê Văn Đ đã lén lút mở túi xách của chị Nguyễn Thị Kim H1 lấy trộm số tiền 4.070.000đ (Bốn triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng). Hành vi trên của bị cáo Lê Văn Đ đã thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và lên một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; ngoài lần phạm tội này tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân; bị cáo nhất thời phạm tội, tại phiên tòa biết ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi 03 con trong độ tuổi ăn học, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận

định của Hội đồng xét xử và việc cho bị cáo được hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại số tiền 3.625.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Kim H1, bị cáo Lê Văn Đ đã bồi thường cho chị H1 số tiền 445.000 đồng, chị H1 đã có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 còn qui định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 77X7-2141, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, số khung 08Y-015852, số máy 5B96-015852 do bị cáo Lê Văn Đ đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, khi bị cáo sử dụng phạm tội vợ bị cáo không biết, xét thấy việc trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu cũng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, nên căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn Đ phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2023).

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) xe mô tô biển số 77X7-2141, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, số khung 08Y-015852, số máy 5B96-015852.

Vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn Đ phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2023). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT Công an huyện Tuy Phước;
- CQTHAHS Công an huyện Tuy Phước;
- Chi cục THA dân sự huyện Tuy Phước;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại; người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quý Phúc

